

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải

Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị M**, sinh năm 1990

Nơi thường trú: **Xóm F, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**

Nơi ở hiện tại: Nhà số 10, ngõ 231, đường Hải Minh, thị trấn Lộc Cảng, huyện Chương Hóa, Đài Loan

2. Bị đơn: Anh **Đào Xuân D**, sinh năm 1989

Nơi thường trú: **Xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**

(Đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị **Lưu Thị M** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **D** có tìm hiểu và kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính cách của cả hai không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị **M** xác định mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Đào Xuân D** để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Đào Trung K**, sinh ngày 20/5/2024. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **K**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **M** đề nghị cấp dưỡng 03 triệu đồng/tháng cho cháu **K**.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **M** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn **Đào Xuân D** và biên bản lấy lời khai của anh **D** thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **M** kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã **L**, thành phố **T**, tỉnh Thái Nguyên. Chị **M** có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì sau 06 năm chung sống, hai vợ chồng cố gắng dùng phương pháp IVF mới có đứa con. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì để dẫn đến việc ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị **M**, muốn cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Đào Trung K**, sinh ngày 20/5/2024. Nếu trong trường hợp chị **M** kiên quyết xin ly hôn, anh xin nhận nuôi cháu **K**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh yêu cầu chị **M** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Duy xác định hai vợ chồng còn nợ tổng số tiền 340 triệu đồng:

+ Năm 2022 vay ông **Đào Văn D1** số tiền 130 triệu đồng để đi xuất khẩu lao động, đã trả được 70 triệu đồng, còn nợ 60 triệu đồng;

+ Còn nợ bà **Tô Thị P** số tiền 280 triệu đồng, trong đó: năm 2017 vay bà **P** 480 triệu đồng để mua xe chạy dịch vụ taxi, đã trả được 230 triệu đồng; năm 2022 vay bà **P** 100 triệu đồng để đi xuất khẩu lao động, đã trả được 70 triệu đồng

Anh đề nghị chị **M** phải cùng anh trả một nửa số nợ của hai vợ chồng là 170 triệu đồng.

*Tại đơn trình bày ý kiến của chị **Lưu Thị M** gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên ngày 07/8/2024, chị **M** trình bày:*

Chị **M** xác định các giao dịch vay tiền anh **D** nêu trên chị không được cùng thực hiện, không có giấy vay tiền, chị được biết các khoản tiền trên là ông **D1** và bà **P** cho anh **D** để làm ăn, anh **D** không sử dụng các khoản tiền trên cho mục đích chung của vợ chồng cũng như như cầu thiết yếu của gia đình. Chị và anh **D** trước đây đã thỏa thuận rằng anh **D** có trách nhiệm trả số tiền đã vay của bên nội, chị sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền vay của bên ngoại do trong thời kỳ hôn nhân với anh **D**, chị có vay tiền bên nhà ngoại và chị đã phải tự trả mà không yêu cầu anh **D** cùng trả. Do đó chị không nhất trí trả số tiền 170 triệu đồng như anh **D** yêu cầu. Chị xác định không có bất kỳ khoản nợ chung nào với anh **D**, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác giữa chị và anh **D** trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai của anh **D** tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, anh **D** trình bày:

Anh không đồng ý nội dung đơn trình bày ý kiến của chị **M** với lý do các khoản tiền vay của bà **P** và ông **D1** là để mua xe oto phục vụ chung cho gia đình, quá trình làm ăn, hàng tháng anh có đưa tiền cho chị **M** để trả dần cho bà **P**. Việc này chị **M** trực tiếp trả cho bà **P** nên anh xác định số tiền 280 triệu đồng của bà **P** là khoản nợ chung của hai vợ chồng.

Đối với khoản vay của ông **Đào Văn D1** là bố đẻ anh, số tiền 60 triệu đồng anh đã trình bày tại bản tự khai đề ngày 18/7/2024, đến nay ông **D1** không yêu cầu vợ chồng anh phải trả do vợ chồng anh có vay bên nhà bố mẹ đẻ của chị **Mai M1** khoản tiền, chị **M** có trách nhiệm phải trả số tiền nợ cho bố mẹ đẻ của chị **M**, nên anh có trách nhiệm phải trả số tiền còn nợ cho ông **Đào Văn D1**. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết đối với khoản tiền còn nợ ông **D1** là 60 triệu đồng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án và bà **Tô Thị P** ngày 30/8/2024, bà **P** trình bày quan điểm về khoản nợ giữa anh **D** và chị **M**:

Vợ chồng anh **D** và chị **M** cưới nhau năm 2016, sau khi kết hôn và chung sống với gia đình bà. Năm 2017 bà có đứng ra trực tiếp mua xe oto Hyundai I10 cho hai vợ chồng anh **D** và chị **M** làm ăn. Anh Duy chạy taxi. Tổng số tiền mua xe oto trên là 480 triệu đồng. Sau khi bán xe, vợ chồng anh **D** đã trả được 230 triệu đồng cho bà, còn lại 250 triệu đồng. Khi bà mua xe cho hai vợ chồng, bà là người trực tiếp trả tiền mua xe oto, mục đích để hai vợ chồng làm ăn trả bà dần. Giữa tôi và hai con **D** và **M** không có viết giấy biên nhận về việc vay tiền và đến nay cũng không có tài liệu chứng minh bà cho anh **D**, chị **M** vay tiền. Về nội dung này, bà sẽ nói chuyện lại với chị **M**, bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu chị **M** và anh **D** trả lại cho bà số tiền 280 triệu đồng.

Theo yêu cầu của bà **P**, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị bà **Tô Thị P** nếu có yêu cầu giải quyết khoản nợ đối với chị **M** và anh **D** trong vụ án ly hôn thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2024 cho đến hết ngày 03 tháng 9 năm 2024, bà **P** phải có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập cùng tài liệu chứng cứ kèm theo cho yêu cầu khởi kiện và gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu hết thời hạn nêu trên, bà **P** không có đơn khởi kiện thì Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo quy định.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án và bà **Tô Thị P** ngày 05/9/2024, bà **P** trình bày quan điểm:

Bà **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ đối với chị **M** và anh **D** trong vụ án ly hôn. Bà **P** sẽ tự thỏa thuận với chị **M**, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lưu Thị M**, cho chị **M** được ly hôn với anh **Đào Xuân D**. Về con chung: Chị **M** và anh **D** có 01 con chung là **Đào Trung K**, sinh ngày 20/5/2024, đề nghị Hội đồng

xét xử giao cháu **K** cho anh **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **M** cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/ tháng. Về Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, về phần nợ chung xác định không có nợ chung. Chị **M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Lưu Thị M** là nguyên đơn có nơi thường trú: **Xóm F, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**. Nơi ở hiện tại: **Nhà số A, ngõ B, đường H, thị trấn L, huyện C, Đài Loan**. Đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ của chị **M** đều có chứng thực của **Văn phòng K1 tại Đ, Đài Loan**. Do vậy, có đủ cơ sở xác định, nội dung các văn bản của chị **Lưu Thị M** nộp gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là đúng ý chí, nguyện vọng của chị **M**. Anh **Đào Xuân D** là bị đơn có nơi thường trú: **Xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**. Quá trình giải quyết anh **D** đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và đến Tòa án để thể hiện quan điểm của mình cho Tòa án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Chị **M** và anh **D** đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Lưu Thị M** và anh **Đào Xuân D** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam** là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị **M** trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính cách của cả hai không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được, vì tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin được ly hôn với anh **D**. Anh **D** không đồng ý ly hôn. Thấy rằng, chị **M** và anh **D** đã sống xa nhau một thời gian dài, mâu thuẫn giữa chị **M** và anh **D** đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lưu Thị M**, cho chị **M** được ly hôn với anh **D** là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2]. Về con chung: Chị **Lưu Thị M** và anh **Đào Xuân D** có 01 con chung là **Đào Trung K**, sinh ngày 20/5/2024. Khi ly hôn, chị **M** đề nghị anh **D** trực tiếp nuôi cháu **K** và chị cấp dưỡng cho cháu **K** 03 triệu đồng/tháng, anh **D** đồng ý. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho con khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung **Đào Trung K**, sinh ngày 20/5/2024 của anh **Đào Xuân D** đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với

thực tế và phù hợp với nguyện vọng của con chung của chị **M** và anh **D**, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị **M**. Chị **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh **D** mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị **M** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **M** xác định không có nợ chung, tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **D** xác định còn khoản nợ chung, tuy nhiên anh không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản nợ nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[2.4]. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **M** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Điều 273; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Lưu Thị M** đối với anh **Đào Xuân D**.

1. Về hôn nhân: Cho chị **Lưu Thị M** được ly hôn anh **Đào Xuân D**

2. Về con chung: Giao con chung là **Đào Trung K**, sinh ngày 20/5/2024 cho anh **Đào Xuân D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị **M** có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **M** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **Đào Xuân D** mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị **M** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

4. Án phí: Chị **Lưu Thị M** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000200 ngày 03/7/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh **Đào Xuân D** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Chị **Lưu Thị M** được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã L, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Phương

